

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Trung tâm y tế huyện A Lưới tại Công văn số 269/TTYT ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trung tâm y tế huyện A Lưới và Công văn số 307/TTYT ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở Trung tâm y tế huyện A Lưới và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 32/TTr-STNMT-MT ngày 13 tháng 01 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện A Lưới, địa chỉ tại tổ dân phố số 6, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế huyện A Lưới” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện A Lưới.

1.2. Địa điểm hoạt động: tổ dân phố số 6, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, thành phố Huế.

1.3. Giấy phép hoạt động 0329/TTH-GPHĐ ngày 29/11/2022 của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.4. Mã số thuế: 3300343469.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 20.559,5m².

- Quy mô: Trung tâm y tế A Lưới có quy mô 80 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm y tế huyện A Lưới có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức

năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký. Một phần của Giấy phép môi trường số 39/GPMT-UBND ngày 03/7/2023 liên quan đến hệ thống xử lý nước thải Trung tâm y tế huyện A Lưới hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Trung tâm y tế huyện A Lưới;
- UBND huyện A Lưới;
- UBND thị trấn A Lưới;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD CB;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 2: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 3: phát sinh từ khu vực căng tin.
- Nguồn số 4: phát sinh từ khu vực giặt là.
- Nguồn số 5: phát sinh từ hoạt động vệ sinh tại kho chất thải nguy hại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: Nước thải phát sinh tại Trung tâm Y tế huyện A Lưới được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung và có 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý của Trung tâm xả thải vào hố ga thoát nước chung của khu vực trên tuyến đường đường bê tông nhựa cạnh Trung tâm, nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm Y tế, sau đó theo mương thoát nước nhỏ đổ xả về sông Tà Rinh, huyện A Lưới.

2.2.1. Vị trí xả nước thải: tại hố ga thoát nước chung của khu vực trên đường bê tông nhựa cạnh Trung tâm, nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm Y tế.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):

X (m): 1.798.976

Y (m): 524.924

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày (24 giờ);

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả ngầm.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.2.2.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:*

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị C_{max} , Cột A, $K=1,2$)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	TSS	mg/l	60		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/ 100mL	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước thải phát sinh

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... được tách rác sơ bộ sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

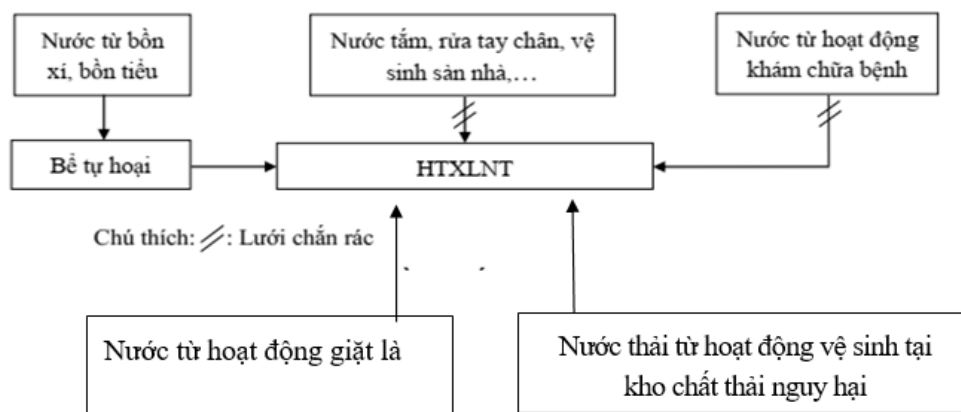
- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh được tách rác sơ bộ thu gom sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu giặt là được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung để xử lý.

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom bằng các ống HDPE D200, uPVC; chiều dài đường ống HPDE 474,99m, uPVC 63,6m, hệ thống ống đầu nối với nhau bằng các hố ga sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung.

- Nước thải từ quá trình rửa tay sát khuẩn, vệ sinh sàn tại kho chất thải nguy hại được thu gom sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung để tiếp tục xử lý.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải phát sinh được trình bày như sau:



1.2. Thoát nước thải

Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống HPDE D200 dài 4m, qua hố ga kích thước 1,72x1,32m, cao độ +0,53, sau đó đầu vào cống thoát nước D800 dẫn xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường bê tông nhựa cạnh Trung tâm, nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm Y tế sau đó theo mương thoát nước nhỏ đổ xả về sông Tà Rinh, huyện A Lưới.

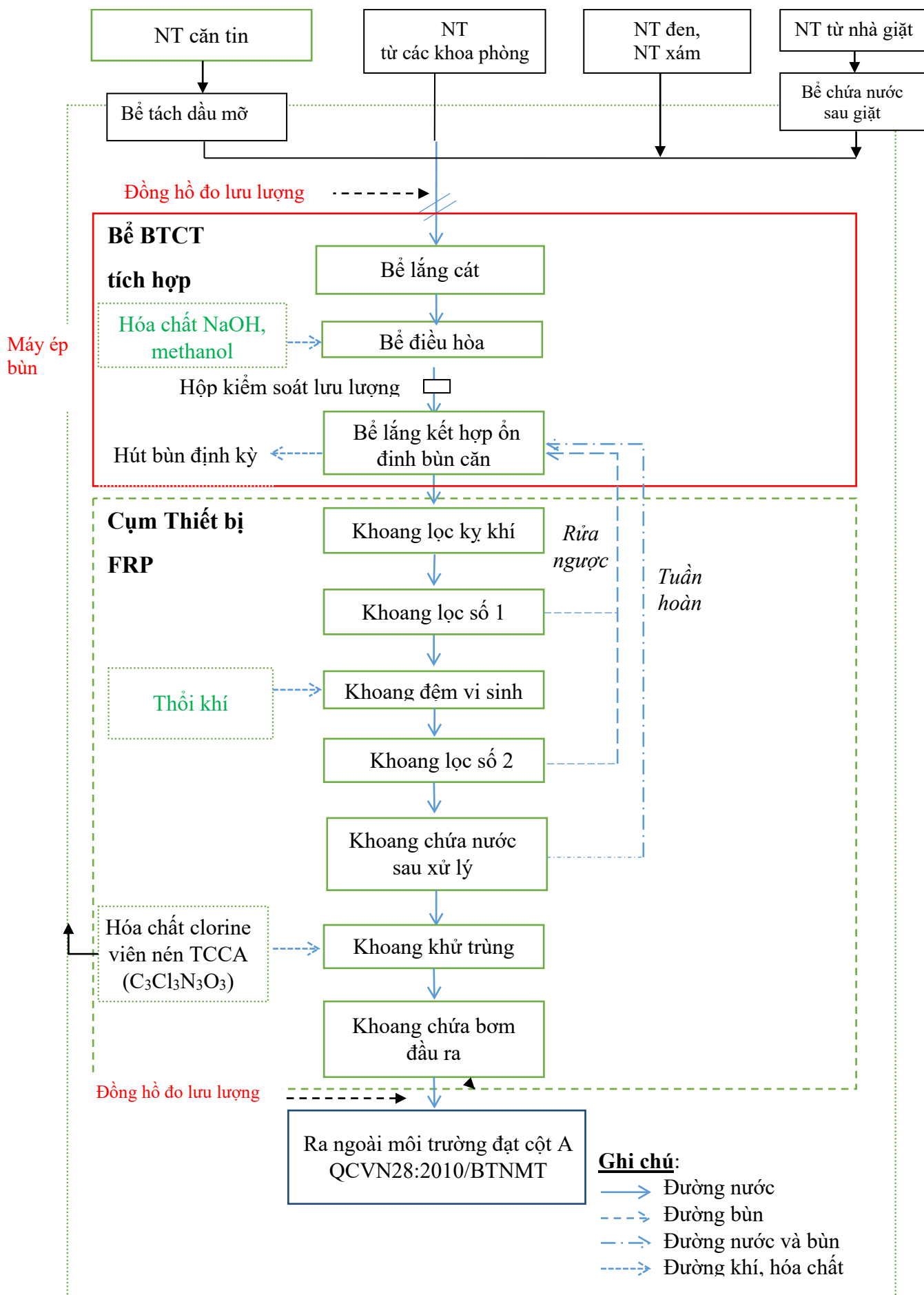
1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Cơ sở đã xây dựng khoảng 15 bể tự hoại, kích thước (4,0x2,0x1,4)m/bể để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải từ bồn xí, bồn tiểu.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất: 120 m³/ngày.

+ Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải



- Kích thước các bể xử lý:

Stt	Hạng mục	Kích thước
I	Bể điều hòa (Hợp khối các bể BTCT: bể tách cặn 1, 2, bể điều hòa, bể tách rắn lỏng 1, 2)	(9,9x4,5x4,15)m
II	Bể chứa bùn	(3,96x1,96x2,1)m
III	Bể tách mỡ	(3,0x1,5x1,65)m
IV	Bể chứa nước giặt	(3,2x1,7x1,65)m
V	Phần bể FRP	
5.1	Kích thước tank (Dài x rộng x cao)	- Tank 1: (10.700 x 2.050 x 2.200)mm - Tank 2: (6.150 x 2.050 x 2.200)mm
5.2	Kích thước các khoang xử lý	
5.2.1	Khoang lọc kỵ khí	
	Kích thước khoang Dài (mm) x khoang	(5.350x2)+(2.750x1)
	Thể tích hữu dụng (m ³)	22,634
5.2.2	Khoang lọc số 1	
	Kích thước khoang Dài (mm) x khoang	(1.400 x 2)+(750 x 1)
	Thể tích hữu dụng (m ³)	3,059
5.2.3	Khoang chứa đệm vi sinh	
	Kích thước khoang Dài (mm) x khoang	(2.650 x 1) + (1.350 x 1)
	Thể tích hữu dụng (m ³)	11,387
5.2.4	Khoang lọc số 2	
	Kích thước khoang Dài (mm) x khoang	(1.400 x 1)+(750 x 1)
	Thể tích hữu dụng (m ³)	3,059
5.2.5	Khoang nước đã xử lý	
	Kích thước khoang Dài (mm) x khoang	600 x 2
	Thể tích hữu dụng (m ³)	3,416
5.2.6	Khoang khử trùng	
	Kích thước khoang Dài (mm) x khoang	700 x 2
	Thể tích hữu dụng (m ³)	1,394
5.2.7	Khoang bơm nước đầu ra	
	Kích thước khoang Dài (mm) x khoang	700 x2
	Thể tích hữu dụng (m ³)	1,608
5.3	Nguyên liệu, khả năng chịu lực của tank hợp khối FRP:	
-	Công nghệ chế tạo	
	Phần ống trụ (Φ2050)	Kiểu Phun khuôn (Spray Up Molding)

Stt	Hạng mục	Kích thước
	Phần tấm đáy (Φ2050)	Kiểu Phun khuôn (Spray Up Molding)
	Phần vách ngăn (Φ2050)	Kiểu Phun khuôn (Spray Up Molding)
-	Vật liệu chế tạo	
	Phần ống trụ (Φ2050)	Sợi thủy tinh (Glass Chopped Strand)
	Phần tấm đáy (Φ2050)	Sợi thủy tinh (Glass Chopped Strand)
	Phần vách ngăn (Φ2050)	Sợi thủy tinh (Glass Chopped Strand)
-	Vật liệu nền	
	Phần ống trụ (Φ2050)	Polyester chưa bão hòa
	Phần tấm đáy (Φ2050)	Polyester chưa bão hòa
	Phần vách ngăn (Φ2050)	Polyester chưa bão hòa
-	Độ dày (mm)	
	Phần ống trụ (Φ2050)	$6,5 \pm 0,5$
	Phần tấm đáy (Φ2050)	$6,5 \pm 0,5$
	Phần vách ngăn (Φ2050)	$6,5 \pm 0,5$
-	Độ bền kéo (MPa)	
	Phần ống trụ (Φ2050)	$1,44 \times 10^2$
	Phần tấm đáy (Φ2050)	$0,89 \times 10^2$
	Phần vách ngăn (Φ2050)	$0,90 \times 10^2$
-	Độ bền uốn (MPa)	
	Phần ống trụ (Φ2050)	$2,15 \times 10^2$
	Phần tấm đáy (Φ2050)	$1,88 \times 10^2$
	Phần vách ngăn (Φ2050)	$1,65 \times 10^2$
-	Mô đun đàn hồi (MPa)	
	Phần ống trụ (Φ2050)	$1,19 \times 10^4$
	Phần tấm đáy (Φ2050)	$1,16 \times 10^4$
	Phần vách ngăn (Φ2050)	$1,02 \times 10^4$
-	Mô đun uốn (MPa)	
	Phần ống trụ (Φ2050)	$0,80 \times 10^4$
	Phần tấm đáy (Φ2050)	$0,77 \times 10^4$
	Phần vách ngăn (Φ2050)	$0,74 \times 10^4$
-	Độ cứng (barcol)	
	Phần ống trụ (Φ2050)	35
	Phần tấm đáy (Φ2050)	35
	Phần vách ngăn (Φ2050)	35
-	Hệ số biến dạng	
	Phần ống trụ (Φ2050)	0,33
	Phần tấm đáy (Φ2050)	0,32
	Phần vách ngăn (Φ2050)	0,31

- Danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Mô tả	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
I	Thông tin chung			
1	Mã hiệu	KTZH-TS		
2	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Kubota/Nhật Bản		
3	Chất lượng	Mới 100%, đạt tiêu chuẩn chất lượng JIS Q9001:2000, JIS Q 14001:2000 hoặc tương đương		
II	Cấu hình mỗi hệ thống cung cấp			
1.	Tank hợp khối FRP		Tank	02
Các thiết bị, vật liệu và phụ kiện đi kèm				
2.	Tủ điều khiển	Bao gồm hệ thống điện điều khiển, điện động lực, các thiết bị đo đi kèm. Hãng sản xuất: Kubota. Xuất xứ: Nhật Bản.	Hệ thống	01
3.	Máy thổi khí (sục khí) tank FRP	Máy thổi khí: Công suất=2,2kw, áp suất 0,02 MPa, đường kính 50 mm, lưu lượng 2,25 m ³ /phút. Model: BE50E. Hãng sản xuất: Anlet. Xuất xứ: Nhật Bản.	Bộ	02
4.	Máy thổi khí (khuấy) bể điều hòa	Máy thổi khí: Công suất 0,4kw, áp suất 0,02 MPa, đường kính 20 mm, lưu lượng 0,3 m ³ /phút. Model: BSR20A. Hãng sản xuất: Anlet. Xuất xứ: Nhật Bản.	Bộ	01
5.	Bơm tại bể điều hòa	Máy bơm: Công suất 0,4kw, áp suất 7,2mH ₂ O, đường kính 50 mm, lưu lượng 0,16 m ³ /phút. Model: CRS501T. Hãng sản xuất: ShinMaywa. Xuất xứ: Nhật Bản.	Bộ	02
6.	Bơm đầu ra	Máy bơm: Công suất 0,4kw, áp suất 7,2mH ₂ O, đường kính 50 mm, lưu lượng 0,16 m ³ /phút. Model: CRS501T.	Bộ	02

Stt	Mô tả	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		Hãng sản xuất: ShinMaywa. Xuất xứ: Nhật Bản.		
7.	Bơm NaOH	Máy bơm: Công suất 0,025 kW, áp suất 1,0 MPa, lưu lượng 55 ml/phút. Model: CM-6V-VVE4-P4-TI4. Hãng sản xuất: Tohkemy. Xuất xứ: Nhật Bản.	Bộ	01
8.	Bồn chứa NaOH	Bồn 200 lít(PVC) Model: PVC - 200. Hãng sản xuất: Tohkemy. Xuất xứ: Nhật Bản.	Bộ	01
9.	Bơm Methanol	Máy bơm: Công suất 0,025 kW, áp suất 1,0 MPa, lưu lượng 16 ml/phút. Model: CM-2V-VVE4-P4-TI4. Hãng sản xuất: Tohkemy. Xuất xứ: Nhật Bản.	Bộ	01
10.	Bồn chứa Methanol	Bồn 120 lít(PE) Model: TXS - 100. Hãng sản xuất: Tohkemy. Xuất xứ: Nhật Bản.	Chiếc	01
11.	Đệm vi sinh	Vật liệu: Dạng polyurethane Tỷ trọng: 30 kg/m ³ Kích thước: 20x20mm Cấu trúc: Dạng ngậm nước, trương nở trong nước.	-	Định lượng theo thiết kế của nhà sản xuất
12.	Vật liệu lọc kỵ khí	Vật liệu: nhựa PP Diện tích bề mặt: 66 m ² /m ³ Cấu trúc: hình cầu.	-	Định lượng theo thiết kế của nhà sản xuất
13.	Vật liệu lọc	Vật liệu: nhựa PP Diện tích bề mặt: 380 m ² /m ³ Cấu trúc: hình trụ rỗng.	-	Định lượng theo thiết kế của nhà sản xuất
14.	Van điện 3 ngã	-	Bộ	01
15.	Van phao (công tắc phao)	-	Bộ	02

Stt	Mô tả	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
16.	Nắp tank FRP	-	Bộ	01
17.	Bộ nối cổ tank FRP	-	Bộ	01
18.	Máy đo nước đa chỉ tiêu cầm tay	Model U-52 của hãng Horiba (mua tại Việt Nam) Năm sản xuất: 2020 trở về sau	Chiếc	01
19.	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải D75 Pmax	Pmax (Malaysia)	Chiếc	01

- Hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải

STT	Hóa chất sử dụng	Khối lượng
1	NaOH	1.700 lít/tháng
2	Methanol	690 lít/tháng
3	Clorine viên nén	18 kg/tháng

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải đã thực hiện vận hành thử nghiệm theo Giấy phép số 39/GPMT-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cho Dự án “Hệ thống xử lý nước thải các bệnh viện thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế”.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Từ hoạt động của Máy phát điện dự phòng và hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến
trục 107⁰, múi chiều 3⁰) như sau:

X (m): 1.799.034,37; Y (m): 524.877,83

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Theo yêu cầu của Chủ dự án, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	60	55	Theo yêu cầu của Chủ dự án, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong Trung tâm.
- Quy định giờ hoạt động của các phương tiện vận tải trong Trung tâm.

- Trồng cây xanh tạo vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên Trung tâm.
- Lắp đặt đệm chống rung tại máy phát điện nhằm giảm rung động cũng như tiếng ồn có thể phát sinh.
- Kiểm tra độ mòn của chi tiết định kì và thường kì cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng.
- Bố trí hệ thống thông gió có kết hợp các thiết bị tiêu âm phù hợp sử dụng trong hệ thống thông gió, để giảm thiểu âm thanh phát ra từ các máy móc, thiết bị và giảm được ảnh hưởng từ tiếng ồn, độ rung từ các hoạt động bên ngoài.
- Định kỳ tiến hành hiệu chuẩn các máy móc, thiết bị của Trung tâm.
- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc thăm bệnh trong các phòng chuyên khoa của Trung tâm. Phổ biến quy định thăm bệnh của Trung tâm đến bệnh nhân và thân nhân.
- Thường xuyên dọn dẹp, chặt cây bụi, vệ sinh sạch sẽ khu vực xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.
- Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, các máy bơm được lắp đặt ngầm và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế tiếng ồn phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động, cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Tính chất nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1.	<i>Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)</i>	Rắn	13 01 01	LN	3.452
2.	<i>Chất thải không lây nhiễm</i>				
2.1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	Đ, ĐS	50
2.2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn/lỏng	13 01 03	Đ	10
	Tổng cộng:				3.512

1.2. Chất thải rắn thông thường phát sinh:

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh được trình bày tại bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (Kg/năm)
A	Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế			14.900
I	<i>Chất thải là vật liệu giấy</i>			
1	Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	18 01 05	Rắn	1.000
II	<i>Chất thải là vật liệu nhựa</i>			

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (Kg/năm)
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 06	Rắn	400
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 06	Rắn	600
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	18 01 11	Rắn	900
III	Chất thải là vật liệu kim loại			
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 08	Rắn	12.000
B	Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế			25.159
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khoa, phòng, các buồng bệnh không cách ly không có khả năng tái chế	-	-	23.509
2	Chất thải thực phẩm		Rắn	1.600
3	Dầu ăn đã qua sử dụng	12 06 11	Lỏng	50
Tổng cộng				40.059

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 20 m² nằm ở góc phía Nam Bệnh viện.

- Bố trí 05 thùng chứa chất thải nguy hại trong đó: 03 thùng HPDE màu đen (thể tích 240 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm và 02 thùng HPDE màu vàng (thể tích 240 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để thu gom chất thải nguy hại lây nhiễm.

Khu vực lưu giữ CTNH được xây dựng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục số 03, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về

quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, cụ thể như sau:

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có lắp đặt biển cảnh báo; có mái che kết cấu tôn; nền lát gạch chống thấm, được nâng lên cao hơn so với địa hình xung quanh và xây gờ xung quanh nên đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ.

+ Trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, Trung tâm đã phân chia khu vực, bố trí thiết bị lưu giữ, dán nhãn phân biệt, mã số chất thải nguy hại, biểu tượng theo quy định, dễ nhận biết đối với chất thải nguy hại lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm. Bố trí 01 tủ lạnh để bảo quản chất thải nguy hại có nguy cơ lây nhiễm.

+ Bố trí vật liệu hấp thụ bao gồm: 01 thùng cát khô, 01 thùng mùn cưa và 01 xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

+ Bố trí 01 bình chữa cháy tại chỗ nhằm đảm bảo theo quy định của pháp luật về PCCC.

+ Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải được vệ sinh sạch sẽ và khử khuẩn thường xuyên.

+ Bố trí vòi nước, dung dịch vệ sinh, khử khuẩn.

Các biểu tượng trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế tuân thủ theo Phụ lục số 02, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường ở góc phía Nam của Trung tâm với diện tích 16m² có kết cấu mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông chống thấm.

- Bố trí 03 thùng nhựa HPDE (240lít/thùng) để lưu chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế và 02 thùng nhựa HPDE (240lít/thùng) để lưu chứa chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế.

Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế sẽ được chuyển giao cho cơ sở phế liệu, chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được Trung tâm hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại MID thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 22/2024/HĐKT ngày 25/6/2024. Khi hợp đồng vận chuyển hết hạn, Trung tâm cam kết sẽ tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố từ việc hư hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu

Trung tâm thường xuyên bảo trì thiết bị và thay thế mới nếu thiết bị cũ có

vấn đề hoặc hết hạn sử dụng.

2. Sự cố môi trường do chất thải y tế

Trung tâm thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế, giai đoạn 2021- 2025 theo Quyết định số 4290/QĐ-BYT ngày 13/10/2020 của Bộ Y tế, cụ thể như sau:

- Xây dựng, ban hành các hướng dẫn về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;
- + Rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản, hướng dẫn liên quan đến phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;
- + Xây dựng hướng dẫn về lập kế hoạch PN&UPSCMT do chất thải y tế;
- + Xây dựng quy trình ứng phó sự cố môi trường cho các loại sự cố chất thải y tế tại Cơ sở;
- + Xây dựng các kịch bản và thực hành diễn tập về quy trình ứng phó sự cố cho các loại sự cố môi trường tại Cơ sở;
- + Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xử lý môi trường sau sự cố cho một số loại sự cố môi trường điển hình do chất thải y tế;
- + Xây dựng hệ thống quản lý phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;
- Đảm bảo lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế:
- + Thành lập Ban chỉ huy PN&UPSC và Đội UPSCMT tại Cơ sở;
- + Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác PN&UPSC do chất thải y tế.

3. Sự cố cháy nổ

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để tập huấn công tác PCCC cho toàn bộ nhân viên của cơ sở, đảm bảo tất cả mọi người đều có thể thực hiện việc PCCC ngay khi có sự cố xảy ra.

- Xây dựng các phương án, nội quy an toàn PCCC và phổ biến đến tất cả bệnh nhân, người thăm bệnh, cán bộ, công nhân viên.

4. Sự cố do thiên tai

- Thành lập đội phòng chống bão lụt, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng chống, ứng cứu khi có sự cố bão lụt xảy ra.

- Tổ chức diễn tập, xây dựng phương án phòng chống bão lũ.

- Hướng dẫn sơ tán nhanh chóng, an toàn ra khỏi vùng nguy hiểm khi có thiên tai (bão lụt,...) xảy ra.

5. Sự cố rò rỉ tia bức xạ

- Phòng chiếu chụp X-Quang xây dựng đảm bảo kích thước theo tiêu chuẩn;
- Kiểm tra độ an toàn về tia xạ theo quy định của “Pháp lệnh An toàn và Kiểm soát bức xạ” do Nhà nước ban hành trước khi sử dụng;
- Trang bị liều kế cá nhân và theo dõi, khám sức khoẻ định kỳ cho nhân viên;
- Xây dựng quy trình và nội quy làm việc với bức xạ và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện.

6. Sự cố tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải

- Lắp đặt hệ thống điều khiển hoàn toàn tự động, có thể hoạt động liên tục 24/24 giờ, bền bỉ và ổn định trong thời gian dài;
- Các hệ thống thiết bị chính trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế theo tiêu chuẩn 1 + 1, gồm 2 thiết bị, được cài đặt chế độ điều khiển tự động chạy song song hoặc thay đổi chạy luân phiên (6 giờ/lượt), nhằm kéo dài tuổi thọ các thiết bị.
- Các vật tư, linh kiện, thiết bị chế tạo hệ thống được lựa chọn, đặt sản xuất với tiêu chuẩn chất lượng cao, phổ biến, dễ thay thế, sửa chữa nhanh trong 1-2 ngày. Kỹ thuật viên có thể thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế ngay cả khi không cần tắt điện toàn bộ hệ thống;
- Hệ thống xử lý nước thải được cài đặt chế độ tự động điều chỉnh khi lưu lượng nước thải đạt Max/ Min nhằm tiết kiệm điện năng, chi phí vận hành, giảm thiểu phát sinh mùi hôi, vi khuẩn và ổn định chất lượng nước thải đầu ra;
- Công suất thiết kế đáp ứng xử lý lượng nước thải phát sinh tối đa trong ngày và phù hợp qui mô phát triển của cả Trung tâm;
- Hệ thống bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga được thiết kế đảm bảo lưu chứa được 150 -200% lượng nước thải phát sinh trong ngày phòng trường hợp hệ thống phải dừng hoạt động hoàn toàn để kiểm tra, thay thế thiết bị;
- Bố trí hố kiểm tra ngay trước vị trí xả thải ra bên ngoài để kiểm tra, giám sát phát hiện kịp thời nước thải sau khi xử lý chưa đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường.
- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động liên tục;
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các hiện tượng nứt vỡ, rò rỉ hệ thống đường ống dẫn nước thải để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý thích

hợp, tránh gây ô nhiễm môi trường đất và nước dưới đất xung quanh;

- Lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi hoạt động của hệ thống và những bất thường của hệ thống trong quá trình hoạt động;

- Đóng khóa van xả sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa ở bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga và bơm về hệ thống để xử lý khi hoàn tất công tác khắc phục.

7. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh

- Thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm: yêu cầu khu vực căn tin bảo quản, chế biến thức ăn hợp vệ sinh.

- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả,...

- Thực hiện vệ sinh môi trường: thu gom xử lý rác thải hằng ngày tránh sự phát sinh của ruồi muỗi...

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trung tâm y tế huyện A Lưới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTB-TNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.